

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương;

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị DAH, sinh năm 1989; ĐKKHKT: Số 46 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 32 đường D, xã E, huyện F, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh NHT, sinh năm 1983; ĐKKHKT: Số 46 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; Hiện đang chấp hành án tại Đội 25, phân trại 3, Trại giam G, Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị DAH có đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2020 yêu cầu Toà án giải quyết cho chị và anh NHT được ly hôn và trình bày:

Chị và anh NHT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận I, thành phố Hải Phòng ngày 02 tháng 5 năm 2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Sau đó đến năm 2016 anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Năm 2017 anh NHT phạm tội Mua bán trái phép

chất ma túy và bị xử phạt 09 năm tù, hiện nay anh NHT đang chấp hành án tại Trại giam G, Hải Phòng. Từ khi anh NHT đi chấp hành án vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ vì thời gian anh NHT chấp hành án còn dài. Do vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh NHT.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: J, sinh ngày 10/7/2007 và K, sinh ngày 16/02/2013. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con vì thực tế hai con chung đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng và anh NHT hiện đang chấp hành án tại Trại giam nên không có điều kiện để nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị DAH và anh NHT tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh NHT có bản tự khai thống nhất với chị DAH về thời gian, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung giữa hai anh chị như chị DAH trình bày là đúng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay vì anh bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án tại Trại giam G nên hai vợ chồng mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Từ khi anh bị bắt và đi chấp hành án chị DAH chỉ đến thăm anh được hai lần, lần gần nhất vào tháng 9 năm 2018. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị DAH. Về con chung: Anh đề nghị để chị DAH được nuôi cả hai con vì thực tế các con đang ở với chị DAH, do chị DAH chăm sóc, nuôi dưỡng, mặt khác anh đang chấp hành án tại Trại giam nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: anh NHT và chị DAH tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị DAH và anh NHT là có thật, nguyên nhân là do bất đồng tính cách và quan điểm sống, mặt khác anh NHT phạm tội đang chấp hành án tại Trại giam nên anh chị không có điều kiện để gần gũi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị DAH có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa anh NHT vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh NHT vẫn giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày tại bản tự khai gửi Tòa án.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị DAH được ly hôn anh NHT. Về con chung: Giao hai con chung là: J, sinh ngày 10/7/2007 và K, sinh ngày 16/02/2013 cho chị DAH nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn chị DAH phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 46 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị DAH và anh NHT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận I, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi chị DAH, anh NHT cư trú thấy quá trình chung sống giữa chị DAH và anh NHT có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp

nhau. Mặt khác anh NHT phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy bị xử phạt 09 năm tù và hiện đang chấp hành án tại Trại giam G nên từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị DAH và anh NHT là có thật. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị DAH và anh NHT đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có cơ hội đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Chị DAH và anh NHT có hai con chung là: J, sinh ngày 10/7/2007 và K, sinh ngày 16/02/2013. Xét thấy, từ khi anh NHT đi chấp hành án tại Trại giam G, chị DAH là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, học hành và chôn ăn ở sinh hoạt ổn định, mặt khác anh NHT đang chấp hành án nên không có điều kiện để nuôi con. Nên việc giao hai con chung cho chị DAH chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của nguyên đơn, bị đơn. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con J và K cho chị DAH trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị DAH và anh NHT tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị DAH và anh NHT tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị DAH phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị DAH được ly hôn anh NHT.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là: J, sinh ngày 10/7/2007 và K, sinh ngày 16/02/2013 cho chị DAH trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị DAH và anh NHT tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị DAH và anh NHT tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị DAH phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010086, ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị DAH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường H, I;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương